

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-40
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-40



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Mía đường I - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Tổng Công ty Mía đường I - CTCP được chuyển đổi (CPH) từ Tổng Công ty Mía đường I - Công ty TNHH Một thành viên theo quyết định số 1913/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04/07/2013. Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100114314 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 14 tháng 08 năm 2017.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch	
Bà Trần Thị Lệ Châm	Ủy viên	
Ông Đặng Việt Anh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2018
Ông Lê Trung Thành	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 30/06/2018
Ông Cao Chiến Thắng	Ủy viên	
Bà Nguyễn Hồng Phương	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Văn Hội	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Lệ Châm	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Mùi	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đường Thị Hồng Hải	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 30/06/2018
Ông Đỗ Đình Quý	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 30/06/2018
Bà Văn Thị Quỳnh Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2018
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2018
Bà Lê Thị Huệ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30/06/2018
Ông Đỗ Minh Hiếu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30/06/2018

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Mía đường I - CTCP được lập ngày 30 tháng 03 năm 2019, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Mía đường I - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Mía đường I - CTCP cho năm tài chính 2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán VACO. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các Báo cáo tài chính này theo báo cáo kiểm toán số 179/VACO/BCKT.NV2 ngày 09 tháng 04 năm 2018.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2018-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	(đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		687.121.152.520	809.482.163.520
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	18.490.376.564	67.324.485.340
111	1. Tiền		18.490.376.564	63.431.903.461
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	3.892.581.879
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		622.745.238.408	596.350.944.246
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	392.418.472.454	290.852.051.608
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	123.573.092.932	274.623.186.683
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	7.000.000.000	7.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	107.740.525.668	30.357.860.684
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.986.852.646)	(6.482.154.729)
140	IV. Hàng tồn kho	10	41.302.747.081	129.323.347.763
141	1. Hàng tồn kho		41.666.747.081	129.323.347.763
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(364.000.000)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.582.790.467	16.483.386.171
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		4.345.083.087	14.201.148.800
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	237.707.380	2.282.237.371
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		520.556.301.046	475.952.103.913
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		232.386.131.200	187.000.000.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	232.386.131.200	187.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		7.331.856.846	8.113.790.913
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	7.331.856.846	8.113.790.913
222	- Nguyên giá		13.796.462.341	13.827.258.625
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.464.605.495)	(5.713.467.712)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	280.838.313.000	280.838.313.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		109.203.844.000	109.203.844.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		145.913.413.000	145.913.413.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		34.592.500.000	34.592.500.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(8.871.444.000)	(8.871.444.000)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.207.677.453.566	1.285.434.267.433

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNGTại ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	(đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		705.542.813.092	806.472.911.233
310	I. Nợ ngắn hạn		692.051.476.817	785.781.574.958
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	259.828.016.098	180.696.946.674
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	56.952.252.995	277.047.062.870
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	601.424.102	963.512.520
314	4. Phải trả người lao động		661.379.926	1.603.546.511
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	4.991.667.857	10.242.928.976
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		288.636.364	288.257.576
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	46.284.279.050	45.397.408.286
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	313.791.558.790	261.574.987.093
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		8.652.261.635	7.966.924.452
330	II. Nợ dài hạn		13.491.336.275	20.691.336.275
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	13.491.336.275	20.691.336.275
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		502.134.640.474	478.961.356.200
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	502.080.749.660	478.907.465.386
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		430.490.990.000	430.490.990.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		430.490.990.000	430.490.990.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		11.369.683.542	10.412.517.759
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		60.220.076.118	38.003.957.627
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		36.089.626.061	6.098.431.537
421b	LNST chưa phân phối năm nay		24.130.450.057	31.905.526.090
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		53.890.814	53.890.814
431	1. Nguồn kinh phí		53.890.814	53.890.814
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.207.677.453.566	1.285.434.267.433


Trần Đình Tiến
Người lập



Trần Thị Mùi
Kế toán trưởngNguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

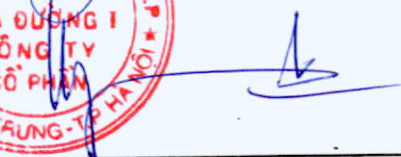
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	(đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.366.304.308.387	1.426.160.894.439
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.366.304.308.387	1.426.160.894.439
11	4. Giá vốn hàng bán	21	1.327.005.207.770	1.394.373.951.222
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		39.299.100.617	31.786.943.217
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	32.655.197.102	50.057.957.306
22	7. Chi phí tài chính	23	22.047.156.809	20.110.810.988
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		19.660.332.937	20.053.157.854
25	8. Chi phí bán hàng	24	11.163.436.946	12.486.932.605
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	14.583.602.120	19.539.250.372
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		24.160.101.844	29.707.906.558
31	11. Thu nhập khác	26	2.618.493.859	2.565.281.979
32	12. Chi phí khác	27	64.689.567	367.662.447
40	13. Lợi nhuận khác		2.553.804.292	2.197.619.532
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		26.713.906.136	31.905.526.090
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	2.583.456.079	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>24.130.450.057</u>	<u>31.905.526.090</u>


Trần Đình Tiến
Người lập

Trần Thị Mùi
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	(đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		26.713.906.136	31.905.526.090
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		781.934.067	819.929.381
03	- Các khoản dự phòng		1.868.697.917	3.657.663.016
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		443.427.223	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(32.059.111.610)	(50.022.194.290)
06	- Chi phí lãi vay		19.660.332.937	20.070.551.490
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		17.409.186.670	6.431.475.687
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		3.153.321.723	(200.231.547.363)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		87.656.600.682	114.192.687.847
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(135.986.464.016)	164.315.976.551
14	- Tiền lãi vay đã trả		(38.224.529.876)	(23.492.281.457)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(104.328.601)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(271.828.600)	(986.817.250)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(66.263.713.417)	60.125.165.414
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	415.000.000
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(45.386.131.200)	(7.000.000.000)
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(5.777.020.100)
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.810.450.159	31.351.736.501
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(34.575.681.041)	18.989.716.401
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		877.102.432.208	814.980.408.976
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(824.885.860.511)	(844.639.032.006)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(211.286.015)	(26.727.409.284)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		52.005.285.682	(56.386.032.314)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	(đã điều chỉnh) VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(48.834.108.776)	22.728.849.501
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		67.324.485.340	44.595.635.839
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>18.490.376.564</u>	<u>67.324.485.340</u>



Trần Đình Tiến
Người lập

Trần Thị Mùi
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Mía đường I - CTCP được chuyển đổi (CPH) từ Tổng Công ty Mía đường I - Công ty TNHH Một thành viên theo quyết định số 1913/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04/07/2013. Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100114314 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 14 tháng 08 năm 2017.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 430.490.990.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 430.490.990.000 đồng; tương đương 43.049.099 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Bán buôn thực phẩm, đồ uống;
- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình công ích, lắp đặt hệ thống xây dựng khác, hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	Hà Nội	Kinh doanh thương mại
Chi nhánh Xuất nhập khẩu thực phẩm - Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	Hà Nội	Kinh doanh thương mại
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Tổng Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Tổng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban-đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 40 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 08 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 - 08 năm |

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.14 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Tổng Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu là hoạt động kinh doanh thương mại các sản phẩm đường. Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.529.636.220	620.297.192
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.960.740.344	62.811.606.269
Các khoản tương đương tiền	-	3.892.581.879
	<u><u>18.490.376.564</u></u>	<u><u>67.324.485.340</u></u>

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCP

Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	109.203.844.000	(8.871.444.000)	109.203.844.000	(8.871.444.000)
- Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	70.937.340.000	-	70.937.340.000	-
- Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	20.279.504.000	(8.871.444.000)	20.279.504.000	(8.871.444.000)
- Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger	17.987.000.000	-	17.987.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	145.913.413.000	-	145.913.413.000	-
- Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan	97.186.320.000	-	97.186.320.000	-
- Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	48.727.093.000	-	48.727.093.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	34.592.500.000	-	34.592.500.000	-
- Tổng Công ty Mía đường II - CTCP	34.592.500.000	-	34.592.500.000	-
	289.709.757.000	(8.871.444.000)	289.709.757.000	(8.871.444.000)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCPSố 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác nhận đầu tư của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2018 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Đầu tư vào công ty con				
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Tỉnh Tuyên Quang	62.19%	62.19%	Sản xuất và kinh doanh đường
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	Thành phố Hà Nội	95.07%	95.07%	Kinh doanh các sản phẩm đường
Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger	Tỉnh Phú Thọ	71.23%	71.23%	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, NGK
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan	Tỉnh Thanh Hóa	17.50%	(*)	Sản xuất và kinh doanh đường
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	Thành phố Hà Nội	44.85%	44.85%	Sản xuất và kinh doanh thực phẩm
Đầu tư vào đơn vị khác				
Tổng Công ty Mía đường II - CTCP	Thành phố Hồ Chí Minh	5.00%	5.00%	Sản xuất và kinh doanh thực phẩm

(*): Ban Tổng Giám đốc xác định rằng Tổng Công ty là bên có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan, do Ông Nguyễn Văn Hội - Tổng Giám đốc của Tổng Công ty là phó chủ tịch Hội đồng thành viên và Bà Trần Thị Mùi - Phó Tổng Giám đốc kiêm kế toán trưởng của Tổng Công ty là thành viên Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan.

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và Công ty con, Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 32.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	<u>Giá trị VND</u>	<u>Dự phòng VND</u>	<u>Giá trị VND</u>	<u>Dự phòng VND</u>
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty CP Mía đường Sơn Dương	116.384.685.321	-	123.242.976.112	-
Công ty TNHH An Hà	32.175.000.001	-	32.175.000.001	-
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	148.512.648.472	-	52.082.134.544	-
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Song Phương	1.531.049.887	-	29.686.999.895	-
Phải thu khách hàng khác	93.815.088.773	(3.668.578.380)	53.664.941.056	(2.978.210.536)
	<u>392.418.472.454</u>	<u>(3.668.578.380)</u>	<u>290.852.051.608</u>	<u>(2.978.210.536)</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	<u>273.382.835.179</u>	<u>-</u>	<u>193.570.611.456</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCP

Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Trả trước cho người bán theo đối tượng có số dư lớn				
Công ty CP Mía đường Sơn Dương	85.348.583.988	-	167.391.274.922	-
Công ty TNHH XNK và Thương mại Hợp Thịnh	14.947.733.333	-	28.977.733.333	-
Công ty TNHH Đức Lộc	-	-	10.300.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	23.276.775.611	(145.130.531)	67.954.178.428	(41.480.484)
	123.573.092.932	(145.130.531)	274.623.186.683	(41.480.484)
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
	85.348.583.988	-	174.060.488.919	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Công ty CP Đầu tư Thương mại XNK Hải Nhung	7.000.000.000	-	7.000.000.000	-
	7.000.000.000	-	7.000.000.000	-
b) Dài hạn				
Công ty CP Mía đường Sơn Dương	187.000.000.000	-	187.000.000.000	-
Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu	45.386.131.200	-	-	-
	232.386.131.200	-	187.000.000.000	-
c) Phải thu về cho vay các bên liên quan				
	232.386.131.200	-	187.000.000.000	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCP

Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay:

TT	Bên vay/hợp đồng	Số tiền vay	Mục đích	Thời hạn	Lãi suất	Dư nợ gốc tại 31/12/2018	Hình thức đảm bảo
I	Các khoản cho vay ngắn hạn					7.000.000.000	
I	Công ty CP Đầu tư Thương mại XNK Hải Nhung					7.000.000.000	
	Hợp đồng tín dụng số 130/HĐKT-MĐI-TCKT ngày 23 tháng 10 năm 2017	7.000.000.000	Cho vay để Công ty CP Đầu tư Thương mại XNK Hải Nhung làm việc với các nhà cung cấp, thiết bị Trung Quốc hoàn thành các công việc liên quan đến hợp đồng số 45/VINASUGARI-MINGYANG/2015	Không xác định thời hạn	8%/năm	7.000.000.000	Tin chấp
II	Các khoản cho vay dài hạn					232.386.131.200	
2	Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương					187.000.000.000	
2.1	Hợp đồng tín dụng số 45/2014-ĐSD&TCT.MĐI ngày 22/12/2014 và phụ lục hợp đồng số 02 ngày 30/09/2015	60.000.000.000	Cho vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	60 tháng	Căn cứ trên lãi suất cho vay trung hạn của Agribank Tuyên Quang cho vay đối với Doanh nghiệp chế biến nông sản	60.000.000.000	Tin chấp
2.2	Hợp đồng tín dụng số 08/2015-ĐSD&TCT.MĐI ngày 30/09/2015	36.000.000.000	Cho vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	60 tháng	Căn cứ trên lãi suất cho vay trung hạn của Agribank Tuyên Quang cho vay đối với Doanh nghiệp chế biến nông sản	36.000.000.000	Tin chấp
2.3	Hợp đồng tín dụng số 10/2016-ĐSD&TCT.MĐI ngày 20/06/2016	30.000.000.000	Cho vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	60 tháng	Căn cứ trên lãi suất cho vay trung hạn của Agribank Tuyên Quang cho vay đối với Doanh nghiệp chế biến nông sản	30.000.000.000	Tài sản đảm bảo

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCP

Báo cáo tài chính riêng

Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay:

TT	Bên vay/hợp đồng	Số tiền vay	Mục đích	Thời hạn	Lãi suất	Dư nợ gốc tại 31/12/2018	Hình thức đảm bảo
2.4	Hợp đồng tín dụng số 11/2016-ĐSD&TCT.MEDI ngày 20/06/2016	56.551.000.000	Cho vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	60 tháng	Căn cứ trên lãi suất cho vay trung hạn của Agribank Tuyên Quang cho vay đối với Doanh nghiệp chế biến nông sản	56.551.000.000	Tài sản đảm bảo
2.5	Hợp đồng số 36/2014-ĐSD&TM.VDT ngày 22/01/2014 và phụ lục số 03 ngày 01/10/2015	16.000.000.000	Cho vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	60 tháng	Căn cứ trên lãi suất cho vay trung hạn của Agribank Tuyên Quang cho vay đối với Doanh nghiệp chế biến nông sản	4.449.000.000	Tin chấp
3	Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu					45.386.131.200	
3.2	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 01/2018/HC-SUGAR I	5.386.135.200	Cho vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	5.386.135.200	Tin chấp
3.3	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 05/2018/HC-SUGAR I	39.999.996.000	Cho vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	39.999.996.000	Tin chấp



TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCP

Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khác chi tiết theo đối tượng có số dư lớn				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	7.988.134.000	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	35.331.362.920	-	22.070.835.469	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	1.171.225	-	-	-
Tạm ứng	291.864.840	-	356.899.630	-
Ký cược, ký quỹ (*)	56.939.316.285	-	243.874.549	-
Công ty CP Mía đường Sơn Dương (**)	1.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Mía đường Trà Vinh	4.546.910.863	(3.182.837.605)	4.546.910.863	(2.273.455.432)
Công ty CP Thực phẩm Vạn Điểm	821.256.312	(821.256.312)	821.256.312	(821.256.312)
Phải thu khác	820.509.223	(169.049.819)	2.318.083.861	(367.751.965)
	<u>107.740.525.668</u>	<u>(4.173.143.736)</u>	<u>30.357.860.684</u>	<u>(3.462.463.709)</u>
b) Phải thu khác là các bên liên quan				
	<u>44.142.711.594</u>	<u>-</u>	<u>21.153.807.633</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)

Thông tin chi tiết cho các khoản phải thu khác:

(*): Đây là khoản ký quỹ tại Ngân hàng TMCP An Bình để phát hành thư tín dụng cho hợp đồng hợp đồng số 45/VINASUGARI-MINGYANG/2015 ngày 16/12/2015, chi tiết thư tín dụng như sau:

- Đối tượng thụ hưởng: Guangxi Minyang Import and Export Trade Company Limited;
- Thụ hưởng tại ngân hàng: Bank of China (Guangxi Brand);
- Thời hạn bảo lãnh: 31/03/2019.

(**): Đây là khoản thanh toán hộ tiền hàng cho Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương, tiền được thanh toán cho Công ty Cổ phần Lò Hơi Ngô Châu Việt Nam. Hiện các bên chưa làm biên bản đối trừ công nợ.

9 . NỢ XẤU

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Mía đường Trà Vinh	7.048.841.464	2.114.652.439	7.048.841.464	3.524.420.732
- Công ty CP Lilama Hà Nội	1.657.200.000	-	1.657.200.000	-
- Công ty CP Thực phẩm Vạn Điểm	821.256.312	-	821.256.312	-
- Các khoản khác	636.190.934	61.983.625	551.926.102	72.648.417
	10.163.488.710	2.176.636.064	10.079.223.878	3.597.069.149

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	267.799.330	-	36.303	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	92.166.225.919	-
Hàng gửi đi bán	41.398.947.751	(364.000.000)	37.157.085.541	-
	41.666.747.081	(364.000.000)	129.323.347.763	-

Trong đó:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 574.984.684 đồng.

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCP

Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	8.690.466.403	4.991.880.000	144.912.222	13.827.258.625
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(30.796.284)	(30.796.284)
Số dư cuối năm	8.690.466.403	4.991.880.000	114.115.938	13.796.462.341
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	4.626.996.882	941.558.608	144.912.222	5.713.467.712
- Khấu hao trong năm	282.746.066	499.188.001	-	781.934.067
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(30.796.284)	(30.796.284)
Số dư cuối năm	4.909.742.948	1.440.746.609	114.115.938	6.464.605.495
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	4.063.469.521	4.050.321.392	-	8.113.790.913
Tại ngày cuối năm	3.780.723.455	3.551.133.391	-	7.331.856.846

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 3.110.770.483 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 114.115.938 đồng

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Guangxi	55.766.611.040	55.766.611.040	68.468.599.904	68.468.599.904
Mingyang Import and Export Trade Co., Ltd				
Công ty TNHH Đại Phát Lợi	18.865.972.500	18.865.972.500	12.090.560.000	12.090.560.000
Công ty TNHH Văn Chương	8.621.773.101	8.621.773.101	10.658.722.564	10.658.722.564
Công ty TNHH Hồng Dương	11.175.464.940	11.175.464.940	8.819.643.500	8.819.643.500
Công ty Phát hành Báo chí Trung ương	55.255.500.000	55.255.500.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	110.142.694.517	110.142.694.517	80.659.420.706	80.659.420.706
	259.828.016.098	259.828.016.098	180.696.946.674	180.696.946.674
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	4.026.359.774	4.026.359.774	1.019.478.900	1.019.478.900

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCP

Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước chi tiết theo đối tượng có số dư lớn		
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	18.505.935.063	228.616.973.251
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	2.248.687.200	11.792.514.986
Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger	6.697.440.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Đức Lộc	27.404.926.056	23.606.125.004
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hải Hà	-	6.132.067.503
Các đối tượng khác	2.095.264.676	2.899.382.126
	56.952.252.995	277.047.062.870
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)</i>	22.737.377.578	244.409.488.237

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Chi phí phải trả chi tiết theo số dư lớn		
- Chi phí lãi vay	2.437.959.505	1.281.594.285
- Công ty CP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Hải Nhung	1.259.836.781	6.459.836.781
- Phí nhập khẩu, vận chuyển	1.285.610.000	1.824.100.000
- Chi phí phải trả khác	8.261.571	677.397.910
	4.991.667.857	10.242.928.976
b) Chi phí phải trả liên quan tới các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)</i>	1.781.152.471	665.725.412

15 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn và bảo hiểm bắt buộc	96.506.386	37.207.964
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.318.318.001	3.529.604.016
- Phải trả lãi vay	-	2.729.225.884
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh sở giao dịch ^(*)	23.400.000.000	19.700.000.000
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ^(**)	19.148.900.305	19.148.900.305
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	320.554.358	252.470.117
	46.284.279.050	45.397.408.286
b) . Dài hạn		
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh sở giao dịch ^(*)	13.491.336.275	20.691.336.275
	13.491.336.275	20.691.336.275

(*): Đây là khoản lãi vay phải trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam của hợp đồng vay vốn số 14/HĐNHN ngày 14/03/1995 kèm phụ lục hợp đồng số 14/HĐNHN-PL01 ngày 15/01/2015.

(**): Đây là khoản lãi chậm nộp tiền bán phần vốn nhà nước theo công văn số 945/ĐTKDV-TCKT ngày 26/04/2016 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCP

Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		447.655.740		3.934.757.163		4.518.749.484		136.336.581		-	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	35.942.018		-		461.030.264		526.459.045		101.370.799		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.246.295.353		-		2.583.456.079		-		-		337.160.726	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		515.856.780		408.572.068		660.165.472		-		264.263.376	
	2.282.237.371		963.512.520		7.387.815.574		5.705.374.001		237.707.380		601.424.102	

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCP

Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

17 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn ngân hàng	253.810.910.547	253.810.910.547	730.847.973.461	778.286.190.511	206.372.693.497	206.372.693.497
- Vay ngắn hạn cá nhân	7.764.076.546	7.764.076.546	146.254.458.747	46.599.670.000	107.418.865.293	107.418.865.293
	261.574.987.093	261.574.987.093	877.102.432.208	824.885.860.511	313.791.558.790	313.791.558.790
b) Vay các bên liên quan						
(Xem chi tiết thuyết minh số 32)	7.764.076.546	7.764.076.546			103.718.865.293	103.718.865.293

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTPC

Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Đơn vị tính: VND

TT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng (VND)	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 31/12/2018	Hình thức đảm bảo tiền vay
I	Vay ngắn hạn ngân hàng					206.372.693.497	
1	Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng						
	Hợp đồng số 37211.18.065.789999.TD	200.000.000.000	Thanh toán tiền đường theo hóa đơn số 0000014 ngày 23/08/2018, 0000065 ngày	23/01/2019	6,4%/năm	60.293.350.000	Tài sản đảm bảo
	Hợp đồng vay tiền số 37217.18.065.24150.TD ngày 18 tháng 10 năm 2018	40.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	15/04/2019	Theo từng khế ước nhận nợ	39.913.580.015	Tài sản đảm bảo
2	Ngân hàng TMCP An Bình						
	Hợp đồng cho vay từng lần 2174/18/TD-TT/IL.24N ký ngày 23/05/2018	80.000.000.000	Thanh toán tiền mía đường HD số 128, 102 HDMB/SD-MDI ngày 02/07/2018	07/01/2019	9,5%/năm	79.300.000.000	Tài sản đảm bảo
3	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam- Chi nhánh Long Biên						
	Hợp đồng tín dụng số 1701-LAV-201700394 ngày 10/11/2017	30.000.000.000	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại	06/11/2018	Theo từng khế ước nhận nợ	26.865.763.482	Tin chấp
II	Vay ngắn hạn cá nhân					107.418.865.293	
1	Ông Nguyễn Văn Hội	80.056.000.000	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Không quy định thời hạn	Không quy định lãi suất	80.056.000.000	Tin chấp
2	Các đối tượng khác	27.362.865.293	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Không quy định thời hạn	8%/năm - 9%/năm	27.362.865.293	Tin chấp
	Tổng cộng					313.791.558.790	

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCP

Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	430.490.990.000	8.078.575.039	25.229.870.923	463.799.435.962
Lãi trong năm trước	-	-	31.905.526.090	31.905.526.090
Phân phối lợi nhuận	-	2.333.942.720	(19.027.110.785)	(16.693.168.065)
Giảm khác	-	-	(104.328.601)	(104.328.601)
Số dư cuối năm trước	430.490.990.000	10.412.517.759	38.003.957.627	478.907.465.386
Số dư đầu năm nay	430.490.990.000	10.412.517.759	38.003.957.627	478.907.465.386
Lãi trong năm nay	-	-	24.130.450.057	24.130.450.057
Phân phối lợi nhuận	-	957.165.783	(1.914.331.566)	(957.165.783)
Số dư cuối năm nay	430.490.990.000	11.369.683.542	60.220.076.118	502.080.749.660

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 1232/NQ-MĐI-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 06 năm 2018, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100.00%	38.003.957.627
Trích Quỹ đầu tư phát triển	2.52%	957.165.783
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.52%	957.165.783
Chi trả cổ tức (bằng 7% vốn điều lệ) (*)	79.29%	30.134.369.300
Lợi nhuận chưa phân phối	15.67%	5.955.256.761

(*): Do Hội đồng quản trị chưa có thông báo về thanh toán cổ tức nên khoản cổ tức theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vẫn được trình bày trên chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối".

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty TNHH Sản xuất & Đầu tư Thương mại Chiến Thắng	45.80%	197.164.870.000	0.00%	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại Hợp Thịnh	0.00%	-	45.80%	197.164.870.000
Công ty TNHH Kim Hà Việt	30.88%	132.951.900.000	35.38%	152.328.750.000
Tổng Công ty Mía đường II	7.96%	34.250.000.000	7.96%	34.250.000.000
Bà Trần Thị Lệ Châm	5.85%	25.185.520.000	5.30%	22.801.730.000
Công ty CP Mía đường Lam Sơn	0.68%	2.928.850.000	0.68%	2.928.850.000
Các cổ đông khác	8.83%	38.009.850.000	4.88%	21.016.790.000
	100%	430.490.990.000	100%	430.490.990.000

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCPSố 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	430.490.990.000	430.490.990.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	430.490.990.000	430.490.990.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	3.529.604.016	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	-	8.609.819.800
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	-	8.609.819.800
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(211.286.015)	(5.080.215.784)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(211.286.015)	(5.080.215.784)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	3.318.318.001	3.529.604.016

d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.049.099	43.049.099
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	43.049.099	43.049.099
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	43.049.099	43.049.099
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.049.099	43.049.099
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	43.049.099	43.049.099
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	11.369.683.542	10.412.517.759
	11.369.683.542	10.412.517.759

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Tổng Công ty thuê đất của Nhà nước dưới hình thức trả tiền hàng năm đối với thửa đất tại số 17, đường Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh tuy, quận Hai Bà Trưng với mục đích xây dựng văn phòng làm việc, thời hạn thuê đất là 50 năm bắt đầu từ ngày 15 tháng 10 năm 1993. Tổng diện tích thuê là 337 m².

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018	01/01/2018
- Đồng đô la Mỹ (USD)	100.00	622.404.20

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
	14.116.925.089	14.116.925.089

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.266.787.676.306	1.260.989.269.412
Doanh thu cung cấp dịch vụ	99.516.632.081	165.171.625.027
	<u>1.366.304.308.387</u>	<u>1.426.160.894.439</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	<u>847.759.069.961</u>	<u>851.369.784.606</u>

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.231.205.888.264	1.231.889.625.405
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	95.435.319.506	162.484.325.817
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	364.000.000	-
	<u>1.327.005.207.770</u>	<u>1.394.373.951.222</u>

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	17.657.942.410	15.288.543.953
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	576.710.295	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.401.169.200	34.715.201.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	19.375.197	54.212.353
	<u>32.655.197.102</u>	<u>50.057.957.306</u>

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	19.660.332.937	20.053.157.854
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.943.396.649	57.653.134
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	443.427.223	-
	<u>22.047.156.809</u>	<u>20.110.810.988</u>

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	3.270.000
Chi phí nhân công	483.434.230	1.615.284.114
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.593.727.910	9.890.150.142
Chi phí khác bằng tiền	1.086.274.806	978.228.349
	<u>11.163.436.946</u>	<u>12.486.932.605</u>

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCPSố 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	116.845.793	144.418.602
Chi phí nhân công	8.156.632.326	10.163.201.166
Chi phí khấu hao tài sản cố định	781.933.997	746.219.177
Thuế, phí, lệ phí	40.120.158	-
Chi phí dự phòng	1.504.697.917	3.524.420.732
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.354.862.746	2.637.413.628
Chi phí khác bằng tiền	2.628.509.183	2.323.577.067
	14.583.602.120	19.539.250.372

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	50.546.691
Thu nhập từ hoạt động cho thuê nhân sự	1.756.439.394	1.687.674.240
Khoản thu hộ tiền thu lao và tiền lương	826.525.667	810.008.500
Thu nhập khác	35.528.798	17.052.548
	2.618.493.859	2.565.281.979

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Khoản chi trả hộ tiền thu lao Hội đồng quản trị	28.300.000	-
Các khoản bị phạt	-	57.116.028
Chi phí khác	36.389.567	310.546.419
	64.689.567	367.662.447

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.713.906.136	31.905.526.090
Các khoản điều chỉnh tăng	604.543.455	610.053.588
- Chi phí không hợp lệ	604.543.455	610.053.588
Các khoản điều chỉnh giảm	(14.401.169.200)	(34.715.201.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(14.401.169.200)	(34.715.201.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	12.917.280.391	(2.199.621.322)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.583.456.079	-
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	104.328.601
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(2.246.295.353)	(2.246.295.353)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(104.328.601)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	337.160.726	(2.246.295.353)

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCPSố 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nhân công	7.242.565.269	9.019.708.135
Chi phí khấu hao tài sản cố định	781.934.067	746.219.247
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.512.279.977	32.440.497.249
Chi phí khác bằng tiền	2.974.655.423	1.895.109.298
	<u>27.511.434.736</u>	<u>44.101.533.929</u>

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.490.376.564	-	67.324.485.340	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	500.158.998.122	(7.841.722.115)	321.209.912.292	(6.440.674.245)
Các khoản cho vay	239.386.131.200	-	194.000.000.000	-
	<u>758.035.505.886</u>	<u>(7.841.722.115)</u>	<u>582.534.397.632</u>	<u>(6.440.674.245)</u>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	313.791.558.790	261.574.987.093
Phải trả người bán, phải trả khác	319.603.631.423	246.785.691.235
Chi phí phải trả	4.991.667.857	10.242.928.976
	<u>638.386.858.070</u>	<u>518.603.607.304</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCPSố 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.490.376.564	-	-	18.490.376.564
Phải thu khách hàng, phải thu khác	492.317.276.007	-	-	492.317.276.007
Các khoản cho vay	7.000.000.000	232.386.131.200	-	239.386.131.200
	<u>517.807.652.571</u>	<u>232.386.131.200</u>	<u>-</u>	<u>750.193.783.771</u>
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	67.324.485.340	-	-	67.324.485.340
Phải thu khách hàng, phải thu khác	314.769.238.047	-	-	314.769.238.047
Các khoản cho vay	7.000.000.000	187.000.000.000	-	194.000.000.000
	<u>389.093.723.387</u>	<u>187.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>576.093.723.387</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	313.791.558.790	-	-	313.791.558.790
Phải trả người bán, phải trả khác	319.603.631.423	-	-	319.603.631.423
Chi phí phải trả	4.991.667.857	-	-	4.991.667.857
	638.386.858.070	-	-	638.386.858.070
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	261.574.987.093	-	-	261.574.987.093
Phải trả người bán, phải trả khác	226.094.354.960	20.691.336.275	-	246.785.691.235
Chi phí phải trả	10.242.928.976	-	-	10.242.928.976
	497.912.271.029	20.691.336.275	-	518.603.607.304

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCPSố 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Tổng Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
CTCP Mía đường Sơn Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	Công ty con
Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước Giải khát Viger	Công ty con
Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đường Mía Việt Nam- Đà Loan	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch HĐQT
Bà Cao Thị Hồng Liên	Vợ của chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Phú Cường	Phó Giám đốc của Công ty Thương mại và Tư vấn
Ông Trần Ngọc Nghiêm	Người thân của Bà Trần Thị Lệ Châm - Ủy viên HĐQT
Bà Trần Thị Ngọc Trang	Người thân của Bà Trần Thị Lệ Châm - Ủy viên HĐQT

Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	847.759.069.961	851.369.784.606
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	197.534.354.904	292.815.479.847
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	7.645.009.509	4.175.889.000
Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước Giải khát Viger	21.678.541.920	22.200.675.687
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	620.336.919.028	530.003.552.072
Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội	564.244.600	2.174.188.000
Mua hàng hóa, vật tư	475.205.363.248	390.954.144.812
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	1.720.364.109	832.071.860
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	1.375.988.665	712.345.595
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	443.202.343.800	389.258.401.902
Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước Giải khát Viger	28.906.666.674	151.325.455
Lãi cho vay vốn, lãi bán hàng trả chậm	15.256.575.418	14.895.321.441
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	15.256.575.418	14.895.321.441
Vay vốn	142.554.458.747	100.000.000
Ông Nguyễn Văn Hội	116.055.670.000	-
Bà Cao Thị Hồng Liên	9.500.000.000	-
Ông Nguyễn Phú Cường	350.000.000	100.000.000
Ông Trần Ngọc Nghiêm	4.450.000.000	-
Bà Trần Thị Ngọc Trang	12.198.788.747	-
Lãi vay vốn	1.784.685.806	8.366.665
Bà Cao Thị Hồng Liên	407.444.444	-
Ông Nguyễn Phú Cường	30.729.083	8.366.665
Ông Trần Ngọc Nghiêm	214.635.997	-
Bà Trần Thị Ngọc Trang	1.131.876.282	-

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CTCP

Số 17, Đường Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu khách hàng	273.382.835.179	193.570.611.456
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	116.384.685.321	138.449.599.236
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	8.158.557.860	1.629.104.600
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	148.512.648.472	52.082.134.544
Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước Giải khát Viger	166.458.007	1.408.429.826
Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội	159.142.270	-
Công ty TNHH Đường Mía Việt Nam - Đà Loan	1.343.250	1.343.250
Ứng trước cho nhà cung cấp	85.348.583.988	174.060.488.919
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	85.348.583.988	174.060.488.919
Phải thu về cho vay	232.386.131.200	187.000.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	187.000.000.000	187.000.000.000
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	45.386.131.200	-
Phải thu khác	44.142.711.594	21.153.807.633
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	44.142.711.594	21.138.675.088
Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội	-	15.132.545
Phải trả người bán ngắn hạn	4.026.359.774	1.019.478.900
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	2.390.098.200	903.809.500
Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội	158.977.247	-
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	1.477.284.327	115.669.400
Người mua trả tiền trước	22.737.377.578	244.409.488.237
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	13.183.997.278	228.616.973.251
Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước Giải khát Viger	7.304.693.100	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	2.248.687.200	11.792.514.986
Chi phí lãi vay phải trả	1.781.152.471	665.725.412
Bà Cao Thị Hồng Liên	407.444.444	-
Ông Nguyễn Phú Cường	27.195.748	8.366.665
Ông Trần Ngọc Nghiêm	214.635.997	-
Bà Trần Thị Ngọc Trang	1.131.876.282	657.358.747
Các khoản vay	103.718.865.293	7.764.076.546
Ông Nguyễn Văn Hội	80.056.000.000	-
Bà Cao Thị Hồng Liên	9.500.000.000	-
Ông Nguyễn Phú Cường	450.000.000	100.000.000
Ông Trần Ngọc Nghiêm	4.450.000.000	-
Bà Trần Thị Ngọc Trang	9.262.865.293	7.664.076.546

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	813.215.083	1.078.578.146
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.910.442.606	1.782.561.631

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Kiểm toán VACO kiểm toán.

Tổng Công ty đã điều chỉnh hồi tố các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng, cụ thể:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u> VND	<u>Số liệu trình bày trên báo cáo năm trước</u> VND	<u>Chênh lệch</u> VND
a. Bảng Cân đối kế toán riêng				
Phải thu ngắn hạn của	131	290.852.051.608	288.728.801.650	2.123.249.958
Phải thu về cho vay ngắn	135	7.000.000.000	189.551.000.000	(182.551.000.000)
Phải thu ngắn hạn khác	136	30.357.860.684	34.806.860.684	(4.449.000.000)
Hàng tồn kho	141	129.323.347.763	129.679.416.636	(356.068.873)
Phải thu về cho vay dài hạn	215	187.000.000.000	-	187.000.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	311	180.696.946.674	180.298.975.548	397.971.126
Người mua trả tiền trước ngắn	312	277.047.062.870	274.923.812.912	2.123.249.958
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	10.242.928.976	30.696.968.975	(20.454.039.999)
Phải trả ngắn hạn khác	319	45.397.408.286	25.697.408.286	19.700.000.000
Chi phí phải trả dài hạn	333	-	20.691.336.275	(20.691.336.275)
Phải trả dài hạn khác	337	20.691.336.275	-	20.691.336.275
b. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng				
Thu nhập khác	31	2.565.281.979	2.961.832.642	(396.550.663)
Chi phí khác	32	367.662.447	764.213.110	(396.550.663)
c. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng (*)				
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	114.192.687.847	113.836.618.974	356.068.873
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(200.231.547.363)	(198.108.297.405)	(2.123.249.958)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	164.315.976.551	162.548.795.466	1.767.181.085

HÃNG KIỂM TOÁN AASC

AASC TẠI HÀ NỘI - TRỤ SỞ CHÍNH

T: (84) 24 3824 1990 | **F:** (84) 24 3825 3973

E: aasc@aasc.com.vn

A: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

AASC TẠI TP HỒ CHÍ MINH

T: (84) 28 3945 0505 – (84) 28 3945 0606 | **F:** (84) 28 3945 1106

E: aaschcm@aasc.com.vn

A: Lầu 3, Tòa nhà Galaxy 9, số 9 Nguyễn Khoái, Phường 1, Quận 4, Hồ Chí Minh

AASC TẠI QUẢNG NINH

T: (84) 203 3627 571 | **F:** (84) 203 3627 572

E: aascqn@aasc.com.vn

A: Số 8 Chu Văn An, Hạ Long, Quảng Ninh